SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG VĨNH PHÚC
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Khai Quang - Vĩnh Yên - Vĩnh Phúc, ĐT: 0211.3847853 Fax: 0211.3861390
VIMCERTS: 028 VILAS: 329
Số: 2023 - 246/QTMT Ngày: 12/6/2023

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

VILAS 329

Khách hàng: Công ty TNHH Daiwa Plastics Thăng Long
Địa chỉ lấy mẫu: Lô số B1-2, KCN Thăng Long, Vĩnh Phúc, xã Thiện Kế, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Ngày lấy mẫu: Ngày 05 tháng 6 năm 2023
Thời gian phân tích: Từ ngày 05/6/2023 đến ngày 12/6/2023.
Tên mẫu: ***Nước thải công nghiệp***
Kí hiệu mẫu và vị trí lấy mẫu:
- NTSX: Nước thải sản xuất sau hệ thống xử lý của công ty, trước khi thải ra hệ thống thu gom của KCN; tọa độ (X: 2358785; Y: 0567895).
Lưu lượng nước thải: 25 m^3/ngày,đêm (do công ty cung cấp).

Bảng tổng hợp kết quả phân tích

TT	Tên chỉ tiêu	Phương pháp phân tích	Đơn vị tính	Kết quả	Giá trị giới hạn
				NTSX	TLIP III
1	pH	TCVN 6492:2011	-	7,20	6-9
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	°C	32,5	40
3	Màu sắc	TCVN 6185:2015	Pt-Co	48,6	50
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	TCVN 6625:2000	mg/L	38	200
5	Nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD_5)*	TCVN 6001-1:2008	mg/L	38,1	300
6	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)*	SMEWW 5220C:2017	mg/L	99,2	350
7	Amoni (NH_4^+)/N	TCVN 6179-1:1996	mg/L	2,05	15
8	Tổng Nitơ (N)	TCVN 6638:2000	mg/L	21,2	60
9	Tổng Photpho (P)*	TCVN 6202:2008	mg/L	5,15	15
10	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520.B&F:2017	mg/L	2,1	4,05
11	Tổng Coliform*	TCVN 6187-2:1996	MPN/ 100mL	$2,7.10^3$	10^6
12	Sunfua (S^{2-})	SMEWW 4500.B&D:2017	mg/L	<0,07	0,162
13	Clorua (Cl^-)*	TCVN 6194:1996	mg/L	38,86	405
14	Sắt (Fe)*	SMEWW 3111B:2017	mg/L	0,361	0,81
15	Asen (As)	EPA Method 200.8	mg/L	<0,002	0,0405
16	Cadimi (Cd)		mg/L	$<5.10^{-4}$	0,0405
17	Niken (Ni)		mg/L	0,007	0,162
18	Chì (Pb)		mg/L	0,008	0,081
19	Đồng (Cu)*	TCVN 6193A:1996	mg/L	<0,09	1,62
20	Kẽm (Zn)*		mg/L	0,118	2,43

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2. Các vấn đề liên quan đến kết quả phân tích chỉ được giải quyết trong thời gian lưu mẫu (trong vòng 5 ngày kể từ ngày trả kết quả).
3. Không trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Lãnh đạo Trung tâm Quan trắc TN&MT tỉnh Vĩnh Phúc.

Được quét bằng CamScanner

21	Crôm III (Cr^{3+})	TCVN 6658:2000+ EPA Method 200.8	mg/L	<0,01	0,162
22	Crôm VI (Cr^{6+})	TCVN 6658:2000	mg/L	<0,01	0,0405
23	Thủy ngân (Hg)	EPA Method 200.8	mg/L	$<2.10^{-4}$	0,00405
24	Mangan (Mn)*	SMEWW 3111B:2017	mg/L	<0,08	0,405
25	Clo dư (Cl_2)	TCVN 6225-3:2011	mg/L	0,7	0,81
26	Cyanua (CN^-)	TCVN 6181:1996	mg/L	<0,002	0,0567

Ghi chú:

- TLIP III: Nồng độ giới hạn cho phép của các chất độc hại trong nước thải công nghiệp theo quy định của trạm xử lý nước thải tập trung.
- Các chỉ tiêu có dấu (*) đã được cấp chứng chỉ ISO/IEC 17025:2017 mang mã Vilas 329.

TRƯỞNG PHÒNG
QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Phan Thị Dung

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Đỗ Khánh Lâm

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
2. Các vấn đề liên quan đến kết quả phân tích chỉ được giải quyết trong thời gian lưu mẫu (trong vòng 5 ngày kể từ ngày trả kết quả).
3. Không trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Lãnh đạo Trung tâm Quan trắc TN&MT tỉnh Vĩnh Phúc.

Được quét bằng CamScanner

CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2345/SYT – NVY)
Địa chỉ PTN: Tòa nhà số 44, Galaxy 4, Phố Tố Hữu, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
ĐT: 024 32239007 Web: lienminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05479/2023/PKQ-LMMT/23.2806

Tên khách hàng : **Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc**
Địa chỉ : Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc
Loại mẫu : Nước thải **Số lượng mẫu:** 01
Ngày nhận mẫu : 07/06/2023
Ngày trả kết quả : 15/06/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	TLIP III
			DAIWA. NTSX.T6.2023		Kq=0,9; Kf=0,9 Cột A
1	Florua (F^-)	*mg/L*	2,84	*SMEWW 4500-F-.B&D:2017*	***4,05***
2	Tổng phenol	*mg/L*	KPH	*TCVN 6216:1996*	***0,081***
3	Hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	*mg/L*	KPH	*US EPA Method 3535A + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D*	***0,0405***
4	Hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	*mg/L*	KPH	*US EPA Method 3535A + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D*	***0,243***
5	Polyclobiphenyl (PCB)	*µg/L*	KPH	*US EPA Method 3535A + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D*	***0,00243***
6	Tổng Hoạt độ phóng xạ α	*Bq/L*	KPH	*TCVN 8879:2011*	***0,1***
7	Tổng Hoạt độ phóng xạ β	*Bq/L*	KPH	*TCVN 8879:2011*	***1***

Ghi chú:
+ Mẫu do khách hàng gửi đến, thông tin do khách hàng cung cấp
- Quy chuẩn so sánh:
+ TLIP III: Tiêu chuẩn nước thải KCN Thăng Long;
+ KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp.

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2023

NGƯỜI LẬP PHIẾU	KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG QA/QC	ĐẠI DIỆN CÔNG TY TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Thị Ngọc	Đỗ Văn Đông	Nguyễn Thế Năng

Chú thích:
1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về;
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*);
3. Chỉ tiêu được công nhận Vilas (#);
4. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm;
5. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.

Được quét bằng CamScanner